

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án: 30/2018/HS-ST

Ngày: 25 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Huynh

Bà Nguyễn Thị Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Kim Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Q tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tấn S (tên gọi khác: không có), sinh ngày 19 tháng 3 năm 1989 tại N, tỉnh N. Nơi cư trú: Thôn An Hội Bắc 2, Xã N, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc Q (chết) và bà Trịnh Thị M, sinh năm 1953; vợ, con: không có; tiền sự: không; tiền án: Ngày 24/6/2009 bị TAND tỉnh N xét xử phúc thẩm tuyên phạt 72 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội: “Trốn khỏi nơi giam giữ” tổng hợp hình phạt là 81 tháng tù, thi hành án tại trạm giam Kim Sơn, đến ngày 06/9/2013 chấp hành xong. Ngày 22/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 13/4/2016 chấp hành xong; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1968; Trú tại: xã T, huyện L, tỉnh B; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn An Hội Bắc 2, xã N, huyện T, tỉnh N; có mặt.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ H

Địa chỉ: 399 Hùng Vương, thành phố Q, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hoàng T. Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1997; Trú tại: Xóm Thố, xã Vận Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 0h 10 phút ngày 07/01/2018, Nguyễn Tấn S điều khiển xe mô tô BKS 76 L1 – 035.13 từ nhà nghỉ M thuộc phường Nghĩa Lộ, thành phố Q đến lán trại của công nhân đang xây cầu Thạch Bích thuộc tổ 14, phường L để tìm kiếm tài sản trộm cắp lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến nơi, Sô thấy lán trại không đóng cửa nên Sô dựng xe ở ngoài đi bộ vào khu vực lán trại. Sô nhìn thấy anh Nguyễn Hữu T là công nhân đang xây dựng cầu đang ngủ say, trên đầu giường có để 01 điện thoại Nokia 105 màu trắng đen, Sô đến lấy điện thoại cầm trên tay thì bị anh Tính phát hiện tri hô, Sô cầm điện thoại bỏ chạy, anh Tính cùng những công nhân đó đuổi theo, thấy vậy Sô ném điện thoại lại rồi bỏ chạy đến chỗ dựng xe máy, lúc này những công nhân đuổi kịp nên Sô bỏ xe máy và chạy. Sau đó Sô đến công an phường Trần Phú để khai báo.

Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Q đã tiến hành định giá và kết luận: 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen (đã qua sử dụng) trị giá 100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen là tài sản của anh Nguyễn Hữu T đã được trả lại cho Tính.

- 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 76 L1 – 035.13 là của chị Phạm Thị H. Theo giấy mua bán xe ngày 13/10/2017, tại Hợp đồng thuê ô tô, xe máy tự lái, lời khai của chị Hì và lời khai của ông Lê Hoàng T thì chị Hì đã bán chiếc xe này cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ H nhưng chưa sang tên chủ sở hữu, sau đó chị H thuê lại xe này để đi. Quá trình điều tra chị H không biết việc S lấy xe đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị H, chị H đã trả lại xe cho Công ty.

- 01 điện thoại di động hiệu TELEGO, loại X15, màu xanh trắng (không kiểm tra chất lượng bên trong) và số tiền 421.000 đồng không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo.

Về phân dân sự trong vụ án: Anh Nguyễn Hữu T đã nhận lại chiếc điện thoại bị trộm cắp và không có yêu cầu gì thêm.

Chị Phạm Thị H đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 76L1 – 035.13 và chị Hi đã trả lại xe cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ H, chị Hi và Công ty không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT – VKS ngày 15 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo Nguyễn Tấn S về tội: “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Tấn S là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức điều khiển được hành vi của mình, nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo đã có tiền án về tội: “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nhưng để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của anh Nguyễn Hữu T khi anh Tính đang ngủ, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại hiệu NOKIA 105 màu đen của anh Tính được định giá là 100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy giá trị tài sản trộm cắp nhỏ, và chưa gây thiệt hại nhưng cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn S từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

[2] Để áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của bị cáo gây ra nhưng cũng thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự, Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt cho bị cáo đều phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, đã trả lại tài sản trộm cắp cho người bị hại, thành khẩn khai báo được người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về nhân thân bị cáo: Bị cáo đã có hai tiền án: Ngày 24/6/2009 bị TAND tỉnh N xét xử phúc thẩm tuyên phạt 72 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 09 tháng tù về tội: “Trốn khỏi nơi giam giữ” tổng hợp hình phạt là 81 tháng tù. Bị cáo thi hành án tại trạm giam Kim Sơn, đến ngày 06/9/2013 chấp hành xong. Ngày 22/4/2015,

Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh N tuyên phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” đến ngày 13/4/2016 bị cáo chấp hành xong.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chiếc xe máy biển kiểm soát 76 L1 – 035.13 là của chị Phạm Thị H. Theo giấy mua bán xe ngày 13/10/2017, tại Hợp đồng thuê ô tô, xe máy tự lái, lời khai của chị H và lời khai của ông Lê Hoàng T, chức vụ Giám Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà Quảng A&E thì chị H đã bán chiếc xe này cho Công ty nhưng chưa sang tên chủ sở hữu, sau đó chị H thuê lại xe này để làm phương tiện đi lại sinh hoạt cho cá nhân. Quá trình điều tra chị H không biết việc Sô lấy xe đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị H, chị H đã trả lại xe cho Công ty. Chị H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà Quảng A&E không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Việc xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen trắng cho anh Nguyễn Hữu T, 01 điện thoại di động hiệu TELEGO, loại X15, màu xanh trắng (không kiểm tra chất lượng bên trong) và số tiền 421.000 đồng không liên quan đến vụ án cho bị cáo, xe mô tô biển kiểm soát 76L1-035.13 bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp đã được trả lại cho chị Phạm Thị H, chị H đã trả lại xe cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà Quảng A&E.

[6] Về bồi thường dân sự: Anh Nguyễn Hữu T, chị Phạm Thị H, Công ty trách nhiệm hữu hạn Hà Quảng A&E không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào:** Điều b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Tấn S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
- **Xử phạt:** Nguyễn Tấn S 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND TP.N
- Công an TP.N.
- Chi cục THADS TP.N
- Sở Tư pháp tỉnh N;
- Người tham gia tố tụng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc